

Bản án số: 123/2021/DS-ST

Ngày 30-9-2021.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đô và bà Võ Thị Thanh Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đăk Song tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2021/TLST-DS, ngày 10/3/2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2021/QĐXXST-DS, ngày 30/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 171/2021/QĐST – DS, ngày 14/9/2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966 - Có mặt .

Địa chỉ: Thôn Đ, xã ĐN, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- Bị đơn: Anh Đinh Văn H1, sinh năm 1988 – Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Thôn M, xã ĐN, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị Ng, sinh năm 1966 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã ĐN, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2021 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 08/3/2021), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Do quan hệ quen biết với nhau nên ngày 14/12/2020, ông H có cho ông Đinh Văn H1, trú tại: Thôn M, xã ĐN, huyện Đăk Song vay số tiền 137.000.000 đồng. Khi vay tiền ông H1 có viết giấy vay tiền bằng bút mực màu xanh đề ngày 14/02/2020, thỏa

thuận thời hạn thanh toán là ngày 20/12/2020, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, phía dưới có ký tên của ông Đinh Văn H1.

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, rất nhiều lần nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ nhưng bị đơn anh H1 khất nợ nhiều lần không trả nợ cho nguyên đơn, vì vậy Nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc 137.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 14/12/2020 đến ngày xét xử 30/9/2021 là 137.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 09 tháng 10 ngày = 19.180.000 đồng.

Biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất và quá trình giải quyết vụ án bị đơn Đinh Văn H1 trình bày: Anh H1 công nhận có vay tiền của ông H vào năm 2020 không nhớ ngày cụ thể, số tiền anh vay của vợ chồng ông H là 80.000.000 đồng, bà Ng là người trực tiếp đưa tiền, khi vay do trước đó có mua phân bón của vợ chồng ông H nợ khoảng 15.000.000 đồng nên khi viết giấy vay nợ thì bà Ng cộng luôn cả tiền vay nợ rồi đưa cho anh ký nhận, anh không đọc số tiền cụ thể. Thời gian vay tiền hẹn khoảng 01 tháng thì trả nếu không trả được thì trả lãi với số tiền 4.800.000 đồng/tháng của số tiền gốc 80.000 đồng, lãi suất tính theo ngày là 2000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Anh H1 đã trả cho vợ chồng ông H, bà Ng số tiền khoảng 08 lần trả với số tiền 32.320.000 đồng, số tiền anh trả là trả vào tiền nợ gốc. Đối với số tiền nợ do mua phân bón của đại lý HN khoảng 15.000.000 đồng anh H1 thừa nhận là chưa trả cho đại lý HN đồng nào. Anh H1 vay tiền và mua phân bón thì anh không có nói cho vợ anh biết, vì vợ anh đi làm ăn xa. Anh thừa nhận vào ngày 14/02/2020 khi giữa bà Ng và anh tính toán số nợ xong ghi vào giấy nợ, bà Ng là người viết, anh H1 ký vào giấy nợ với số tiền 137.000.000 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền gốc 137.000.000 đồng lãi suất 1,5%/tháng thì anh H1 không chấp nhận mà chỉ chấp nhận trả cho ông H số tiền 63.000.000 đồng là cả tiền vay và tiền mua phân bón còn nợ, còn nợ số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc trên, lý do là anh đã trả được 8 lần với số tiền 32.320.000 đồng. Hơn nữa, mặc dù anh H1 đã ký vào giấy nhận nợ nhưng anh H1 nhận thấy anh không có khả năng trả cho ông H số tiền trên. (BL 19-20).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Ng trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Văn H, ngày 14/12/2020 thì bà nghe chồng bà là ông H nói chú H1 vay số tiền 137.000.000 đồng để đi buôn bán gì đó em cho vay đi, sau đó tôi là người đưa tiền cho chú H1 vay với số tiền là 137.000.000 đồng, sau bà Nghĩ là người giao tiền và viết giấy nợ, đưa cho anh H1 đọc và ký, hẹn trả vào ngày 20/12/2021. Do là tiền cho bị đơn vay là tiền chung của vợ chồng bà Nghĩ, ông H nên bà yêu cầu bị đơn anh H1 phải có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 137.000.000 đồng cùng lãi suất 1,5% tháng cho vợ chồng bà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành chưa đúng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc bị đơn anh Đinh Văn H1 phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị Ng số tiền nợ gốc 137.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn H khởi kiện anh Đinh Văn H1 phải thanh toán số tiền nợ gốc 137.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng. Vì vậy đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Anh Đinh Văn H1 trú tại Thôn M, xã ĐN, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Đinh Văn H1: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn H1 vẫn cố tình vắng mặt trong quá trình Tòa án hòa giải và xét xử. Như vậy, ông H1 đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đó là quên được pháp luật bảo vệ, điều đó cũng thể hiện bị đơn đã không tôn trọng pháp luật quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng vay tài sản giữa ông H và anh H1 được thể hiện tại giấy vay tiền đề ngày 14/12/2020 thời hạn trả ngày 20/12/2020, đến hạn trả nợ anh H1 không trả được, ngày 08/3/2021 ông H khởi kiện anh H1 ra Tòa án để yêu cầu Tòa án buộc anh H1 trả nợ. Do vậy, không vi phạm thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét nội dung khởi kiện của ông H yêu cầu Tòa án buộc anh H1 phải trả số tiền nợ gốc 137.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Lời khai của các đương sự thể hiện anh H1 thực hiện giao dịch vay tài sản là tiền mặt với ông H ngày 14/12/2020 thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 20/12/2020; Chứng cứ mà ông H cung cấp cho Tòa án là theo 01 Giấy vay tiền ngày 14/12/2020 có ký nhận của người vay tiền là anh Đinh Văn H1. Quá trình làm việc Tòa án đã tiến hành làm việc với các đương sự, các đương sự trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thấy rằng việc vay tiền không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Theo khoản 1 Điều 117 của Bộ luật dân sự (BLDS) thì giao dịch vay tiền giữa ông H với anh H1 đủ kiện kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bên vay khi đến hạn. Nội dung giấy vay tiền thể hiện giữa các bên có thỏa thuận cụ thể về thời

hạn trả nợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc anh H1 có vay tiền của ông H là có thật. Việc vay tiền giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc nào, đáp ứng đủ điều kiện được quy định tại Điều 463 BLDS quy định “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa ông H với anh H1 là hợp pháp. Đến hạn trả nợ anh H1 không trả tiền gốc và lãi cho ông H theo thỏa thuận nên anh H1 đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo 1 Điều 351 của BLDS “*1. Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ*”. Do anh H1 vi phạm nghĩa vụ nên ông H khởi kiện yêu cầu anh H1 trả số tiền gốc 137.000.000 đồng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi suất của số tiền gốc 137.000.000 đồng với số tiền lãi là 1,5%/tháng: HĐXX xét thấy theo giấy vay tiền ngày 14/12/2020 các đương sự thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, quá trình quyết định vụ án nguyên đơn yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng, bị đơn cho rằng lãi suất 2000 đồng/1triệu ngày quá trình giải quyết vụ án ông H yêu cầu H1 phải trả tiền lãi suất 1,5%/tháng. Như vậy thuộc trường hợp Hợp đồng vay có lãi và có tranh chấp về tính lãi và theo hợp đồng các bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng do trong hợp đồng vay tài sản, các bên có thỏa thuận về mức lãi suất vượt quá 20%/năm, khi có tranh chấp xảy ra thì Nhà nước không thừa nhận và không bảo vệ quyền lợi cho bên cho vay đối với phần lãi suất vượt quá đó. Tức là bên vay chỉ có nghĩa vụ trả lãi ở mức lãi suất tối đa theo quy định pháp luật là 20% đối với 1 năm của khoản tiền vay theo quy định nên cần tính lại. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 5 NQ 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 quy định: “*Xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015. Hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 hoặc xác lập trước ngày 01-01-2017 nhưng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết này thì tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng được xác định như sau:*

2. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn vay chưa trả lãi trên nợ gốc tại thời điểm xác lập hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ.

b) Trường hợp chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn thì còn phải trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

c) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nên cần tính lại cụ thể: Lãi suất trong hạn tính theo công thức: Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc).

+ Lãi trong hạn theo giấy vay tiền ngày 14/12/2020 hạn trả ngày 20/12/2022 là 06 ngày; $137.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 06 \text{ ngày} = 228.000 \text{ đồng}$.

+ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính theo công thức: Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất do các bên thỏa thuận hoặc 150% lãi suất vay do các bên thỏa thuận) x (thời gian chậm trả nợ gốc).

+ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: theo giấy vay tiền ngày 14/12/2020 hạn trả ngày 20/12/2022 đến hạn anh H1 không trả nên anh H1 vi phạm nghĩa vụ từ ngày 21/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 09 tháng 10 ngày.

= $137.000.000 \text{ đồng} \times (10\% \times 150\% = 1,5\%/\text{tháng}) \times 09 \text{ tháng} 10 \text{ ngày} = 19.180.000 \text{ đồng}$.

Tổng tiền lãi trong hạn, quá hạn bị đơn anh H1 phải trả cho nguyên đơn ông H là $228.000 \text{ đồng} + 19.180.000 \text{ đồng} = 19.408.000 \text{ đồng}$ tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Nhưng tại phiên tòa nguyên đơn ông H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nghia chỉ yêu cầu tiền lãi quá hạn với số tiền là 19.180.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc, lãi anh Đinh Văn H1 phải trả cho ông H bà Nghia là $137.000.000 \text{ đồng} + 19.180.000 \text{ đồng} = 156.180.000 \text{ đồng}$.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[2.3] Xét trình bày của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền gốc 137.000.000 đồng lãi suất 1,5%/tháng thì anh H1 không chấp nhận mà chỉ chấp nhận trả cho ông H số tiền 63.000.000 đồng là cả tiền vay và tiền mua phân bón còn nợ ông H, bà Nghia số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng và đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc trên, lý do là anh đã trả được 8 lần với số tiền 32.320.000 đồng. Hơn nữa mặc dù anh đã ký vào giấy nhận nợ nhưng anh nhận thấy anh không có khả năng trả cho ông H số tiền trên: HĐXX xét thấy anh H1 thừa nhận có vay tiền của

ông H vào năm 2020 không nhớ ngày cụ thể, số tiền anh vay của vợ chồng ông H là 80.000.000 đồng, bà Nghĩa là người trực tiếp đưa tiền, khi vay do trước đó có mua phân bón của vợ chồng ông H, bà Nghĩa nợ khoảng 15.000.000 đồng nên khi viết giấy vay nợ thì bà Nghĩa cộng luôn cả tiền vay nợ rồi đưa cho anh H1 ký nhận, anh không đọc số tiền cụ thể. Thời gian vay tiền hẹn khoảng 01 tháng thì trả nếu không trả được thì trả lãi với số tiền 4.800.000 đồng/tháng của số tiền gốc 80.000.000 đồng, lãi suất tính theo ngày là 2000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Anh H1 đã trả cho vợ chồng ông H, bà Nghĩa số tiền khoảng 08 lần trả với số tiền 32.320.000 đồng, số tiền anh trả là trả vào tiền nợ gốc. Đối với số tiền nợ do mua phân bón của đại lý HN khoảng 15.000.000 đồng anh H1 thừa nhận là chưa trả cho đại lý HN đồng nào. Anh H1 vay tiền và mua phân bón thì anh không có nói cho vợ anh biết, vì vợ anh đi làm ăn xa. Anh thừa nhận vào ngày 14/02/2020 khi giữa bà Ng và anh tính toán số nợ xong ghi vào giấy nợ, bà Ng là người viết, anh H1 ký vào giấy nợ với số tiền 137.000.000 đồng.

[2.4] Anh H1 không cung cấp, giao nộp được tài liệu chứng cứ chứng minh về việc các bên thỏa thuận lãi suất 2000 đồng/ngày/1 triệu về việc anh đã trả 32.320.000 đồng tiền gốc cho ông H nên theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS về nghĩa vụ chứng minh *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu để chứng minh sự phản đối đó ”* quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cũng không thừa nhận lời trình bày của anh H1, nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của anh H1 mà cần buộc anh H1 phải trả số tiền gốc 137.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định.

[2.5] Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ nguyên đơn ông H là bà Hoàng Thị Ng trình bày: Số tiền 137.000.000 đồng ông H kiện anh H1 là tiền chung của của vợ chồng là tài sản chung vợ chồng, ông H cũng thừa nhận là tiền chung của vợ chồng nên Tòa án đưa bà Nghĩa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2.6] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh H1 trình bày: Số tiền 137.000.000 đồng ông H kiện anh H1 là tiền anh H1 vay riêng của ông H, không liên quan đến vợ anh vì vợ chồng anh mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân gia đình nên vợ anh đã bỏ đi từ năm 2019, trước thời điểm anh vay tiền ông H, nguyên đơn ông H cũng thừa nhận là chỉ cho anh H1 vay tiền và chỉ đòi anh H1 nên Tòa án không đưa vợ anh H1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[3]. Về án phí: Căn cứ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn anh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 7.809.000 đồng ($156.180.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.809.000 \text{ đồng}$), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắc Song theo quy định. Hoàn trả ông Nguyễn Văn Huyền số tiền 3.547.000

đồng tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Văn H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song theo biên lai số 0005216/BL-THA, ngày 09/3/2021.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 351; khoản 2 Điều 357; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 2, Điều 5, Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với anh Đinh Văn H1.

Buộc anh Đinh Văn H1 phải trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị Ng số tiền là 156.180.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 137.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi bảy triệu*) và tiền lãi quá hạn là 19.180.000 đồng (*Mười chín triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Đinh Văn H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 7.809.000 đồng (*Bảy triệu, tám trăm linh chín nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song theo quy định.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn Huyền số tiền 3.547.000 đồng (*Ba triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Văn H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song theo biên lai số 0005216/BL-THA, ngày 09/3/2021.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ